TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương
2. Ông Nguyễn Quốc Vinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2019. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Anh V.T.A., sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 1, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Tr.T.P.T., sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 72 khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/01/2019, nguyên đơn V.T.A. trình bày: Vào năm 2013, anh T.A. kết hôn với chị Tr.T.P.T. có đăng ký kết hôn,

giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/6/2014.

Sau khi kết hôn, anh T.A.tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai còn chị T.sống tại khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Hàng tháng anh T.A.về khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thăm chị T.một lần. Do mỗi tháng vợ chồng chỉ gặp nhau được một lần nên tình cảm ngày càng phai nhạt, xãy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không còn hạnh phúc. Từ đầu năm 2018, anh T.A.và chị Phương Thảo không còn gặp nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, anh V.T.A. yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Tr.T.P.T..

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/02/2019 nguyên đơn V.T.A. có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận giao nộp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm của tòa án, anh T.A.không cung cấp tài liều chứng cứ gì khác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và cam kết không khiếu nại bất cứ vấn đề gì trong vụ án.

* Tại phiên họp công bố công khai chứng cứ ngày 28/2/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Tr.T.P.T. trình bày: Thống nhất với lời trình bày với của anh V.T.A. về việc tổ chức lễ cưới ngày đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống thời gian đầu của vợ chồng và thống nhất với nguyên đơn về việc sống chung với nhau chưa có con chung. Do vợ chồng hàng tháng chỉ gặp nhau được một lần nên tình cảm ngày càng phai nhạt, xãy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không còn hạnh phúc nên từ đầu năm 2018, chị T.và anh T.A.không còn gặp nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nay anh V.T.A. yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, chị T.cũng đồng ý ly hôn. Chị T.cũng thống nhất với các tài liệu chứng cứ mà anh T.A.đã cung cấp cho tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ khác cần và không có yêu cầu gì.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp

pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh V.T.A. được ly hôn với chị Tr.T.P.T.; về con chung nguyên đơn, bị đơn khẳng định không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn V.T.A.. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, anh T.A.yêu cầu ly hôn với chị Thảo, quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn V.T.A. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn V.T.A..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/6/2014 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 44 do Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/6/2014, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn V.T.A. có kết hôn với bị đơn Tr.T.P.T. là sự thật, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa anh V.T.A. và chị Tr.T.P.T. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh T.A.sống tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai còn chị T.sống tại khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, hàng tháng anh T.A.về khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thăm chị T.một lần nên tình cảm ngày càng phai nhạt, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không còn hạnh phúc, đầu năm 2018 anh T.A.và chị Phương Thảo đã không còn gặp nhau.

Trong quá trình giải quyết cũng như trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá

trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa anh T.A.và chị T.không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn V.T.A. và bị đơn Tr.T.P.T. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn V.T.A. đối với bị đơn Tr.T.P.T. là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh V.T.A. được ly hôn với chị Tr.T.P.T..

[3] Về con chung: Anh V.T.A. và chị Tr.T.P.T. không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh V.T.A. và chị Tr.T.P.T. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng nguyên đơn V.T.A. phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh V.T.A. được ly hôn với chị Tr.T.P.T..

2. Về con chung: Anh V.T.A. và chị Tr.T.P.T. không có con chung, không yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh V.T.A., chị Tr.T.P.T. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn V.T.A. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004081, ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh V.T.A. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với nguyên đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận
-VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Lâm San.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn